

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THỦ ĐÀU MỘT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIỆT XUÂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HK 1

Khối 6

NĂM HỌC 2023-2024

Tên HS:.....

Lớp:.....



ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NH 2023-2024
MÔN: CÔNG NGHỆ 6

A. PHẦN ĐẠI CƯƠNG

- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở;
- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng ở Việt Nam
- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà;
- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà
- Nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà.
- Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả
- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh.
- Mô tả được đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

B. CÂU HỎI GỢI Ý

I/Phần trắc nghiệm

Câu 1: Tại sao nói nhà ở là nơi trú ngụ của con người?

- A. Vì nhà ở giúp con người tránh khỏi mưa, nắng, bão, sấm sét.
- B. Vì nhà ở là nơi con người ăn uống, tắm giặt, nghỉ ngơi.
- C. Vì nhà ở là nơi con người thể hiện tình cảm, chăm sóc lẫn nhau.
- D. Vì nhà ở là nơi con người vui chơi, trò chuyện thoải mái.

Câu 2: Hỗn hợp vữa xi măng – cát được phối trộn từ các vật liệu nào?

- A. Xi măng + nước.
- B. Xi măng + nước + cát.
- C. Xi măng + nước + cát + đá/ sỏi.
- D. Xi măng + nước + cát + đá/ sỏi + sắt thép

Câu 3: Nhà dựng trên bè hoặc thuyền, vừa ở vừa nuôi tôm, cá là kiểu nhà nào?

- A. Nhà sàn.
- B. Nhà nổi.
- C. Nhà liên kề.
- D. Nhà truyền thống.

Câu 4: Thứ tự các bước chính để xây dựng một ngôi nhà là:

- A. Chuẩn bị xây dựng nhà → hoàn thiện ngôi nhà → thi công xây dựng nhà
- B. Chuẩn bị xây dựng nhà → thi công xây dựng nhà → hoàn thiện ngôi nhà
- C. Thi công xây dựng nhà → thiết kế → hoàn thiện
- D. Hoàn thiện → thi công xây dựng nhà → thiết kế

Câu 5. Nhà ở cấu tạo gồm mấy phần chính?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 6. Phần nào sau đây của ngôi nhà có nhiệm vụ che chắn, bảo vệ các bộ phận bên dưới?

- A. Sàn gác.
- B. Mái nhà.
- C. Tường nhà.
- D. Dầm nhà.

Câu 7. Phần nào sau đây của ngôi nhà nằm sâu dưới mặt đất?

- A. Dầm nhà.
- B. Sàn nhà.
- C. Cột nhà.
- D. Móng nhà

Câu 8. Vật liệu nào sau đây không dùng để làm tường nhà?

- A. Gạch ống
- B. Tre
- C. Gỗ
- D. Ngói

Câu 9. Công việc nào sau đây thuộc bước chuẩn bị trong quy trình xây dựng nhà ở?

- A. Vẽ thiết kế
- B. Xây móng
- C. Quét vôi
- D. Cả 3 đáp án trên



Câu 10. Con người sử dụng loại năng lượng nào sau đây?

- A. Điện
B. Chất đốt
C. Điện và chất đốt
D. Điện, chất đốt, năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

Câu 11. Chất đốt dùng để:

- A. Nấu ăn B. Sưởi ấm C. Chiếu sáng D. Cả 3 đáp án trên

Câu 12. Thiết bị được sử dụng bằng năng lượng điện là

- A. Bật lửa. B. Bếp cồn C. Quạt bàn D. Đèn dầu

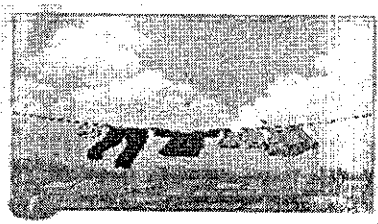
Câu 13. Sử dụng chất đốt để sản xuất và đun nấu gây ảnh hưởng đến môi trường như thế nào?

- A. Làm ô nhiễm môi trường. C. Làm cạn kiệt tài nguyên.
B. Gây cạn kiệt chất đốt. D. Gây lãng phí chất đốt.

Câu 14. Tác hại của việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất năng lượng là:

- A. Làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. B. Ô nhiễm môi trường sống.
C. Biến đổi khí hậu gây lũ lụt, hạn hán D. Cả 3 đáp án trên

Câu 15. Em hãy cho biết, nguồn năng lượng sử dụng trong hình sau đây là gì?



- A. Điện B. Chất đốt
C. Gió D. Gió và năng lượng mặt trời

Câu 16. Thế nào là ngôi nhà thông minh?

- A. Được trang bị hệ thống điều khiển tự động
B. Được trang bị hệ thống điều khiển bán tự động
C. Được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động
D. Không có ngôi nhà thông minh

Câu 17. Ngôi nhà thông minh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tính tiện ích B. An ninh, an toàn
C. Tiết kiệm năng lượng D. Cả 3 đặc điểm trên

Câu 18. “Chủ nhà ngôi ở phòng khách có thể tắt các thiết bị của các phòng khác”, thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- A. Tiện ích B. An toàn C. An ninh D. Tiết kiệm

Câu 19. Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển từ xa bởi các thiết bị nào?

- A. Điện thoại đời cũ, máy tính bảng có kết nối internet.
B. Điện thoại, máy tính bảng không có kết nối internet.
C. Điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối internet.
D. Điều khiển, máy tính, điện thoại không có kết nối internet.

Câu 20. Ngôi nhà thông minh được giám sát từ xa được thể hiện đặc điểm:

- A. Tiện ích, an toàn.
- B. An ninh, an toàn.
- C. Tiết kiệm, an toàn.
- D. Tiện ích, tiết kiệm.

Câu 21. Kiểu nhà nào sau đây thuộc khu vực thành thị?

- A. Nhà liên kế
- B. Nhà sàn
- C. Nhà ba gian truyền thống
- D. Nhà nổi

Câu 22. Vật liệu nào sau đây dùng để xây dựng những ngôi nhà đơn giản ở khu vực nông thôn?

- A. Lá tre
- B. Lá dừa
- C. Lá tranh
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 23. Biện pháp nào sau đây không tiết kiệm chất đốt?

- A. Tắt thiết bị ngay sau khi sử dụng xong.
- B. Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng.
- C. Khi đun nấu để ngọn lửa quá to
- D. Ngọn lửa phù hợp với món ăn

Câu 24. Việc làm nào sau đây gây lãng phí điện?

- A. Điều chỉnh hoạt động của đồ dùng điện ở mức vừa đủ dùng
- B. Bật các thiết bị điện khi không sử dụng
- C. Chỉ sử dụng điện khi cần thiết
- D. Thay thế các đồ dùng điện thông thường bằng các đồ dùng điện tiết kiệm.

Câu 25. Tại sao phải sử dụng tiết kiệm năng lượng?

- A. Giảm chi phí sinh hoạt cho gia đình
- B. Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên
- C. Bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho gia đình và cho cộng đồng
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 26. Hoạt động nào sau đây cho thấy ngôi nhà thông minh được thiết kế để tận dụng năng lượng gió tự nhiên?

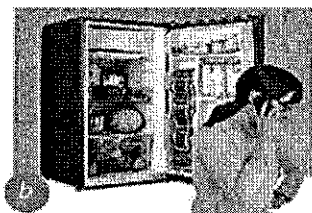
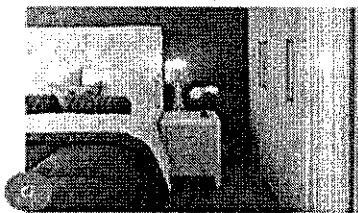
- A. Ngôi nhà có nhiều cửa sổ đón gió
- B. Quạt điện tự động chạy khi có người trong nhà
- C. Quạt điện được trang bị cho từng phòng trong ngôi nhà.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 27. Biện pháp tiết kiệm chất đốt là:

- A. Điều chỉnh ngọn lửa phù hợp với diện tích đáy nồi
- B. Điều chỉnh ngọn lửa phù hợp với món ăn
- C. Sử dụng thiết bị có tính năng tiết kiệm
- D. Cả 3 đáp án trên

P.Th
ÔNG
3 H
SỞ
VIỆT
*

Câu 28. Hình ảnh nào sau đây gây lãng phí điện?



A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 29. Đồ dùng nào sau đây không phù hợp với ngôi nhà thông minh?

A. Rèm cửa kéo tự động

B. Chuông báo cháy

C. Ổ khóa mở bằng chìa khóa

D. Máy điều hòa không khí tự động thay đổi nhiệt độ

Câu 30. Thiết bị nào sau đây không sử dụng nguồn năng lượng điện?

A. Ấm siêu tốc

B. Tủ lạnh

C. Bếp gas

D. Máy giặt

II. Tư luận:

Câu 1. Em hãy kể tên một số kiểu kiến trúc đặc trưng của Việt Nam?

Gợi ý câu trả lời

- Nhà sàn
- Nhà ba gian thuyền thông
- Nhà biệt thự
- Nhà nổi
- Nhà chung cư
- Nhà liền kề

Câu 2. Ngôi nhà thông minh có những đặc điểm nào.

Gợi ý câu trả lời

- Tiện ích
- An ninh, an toàn
- Tiết kiệm năng lượng

Câu 3. Em đã thực hiện những biện pháp nào để tiết kiệm năng lượng điện, năng lượng chất đốt hiệu quả.

Gợi ý câu trả lời

- **Năng lượng điện.**
 - + Chỉ sử dụng điện khi cần thiết, tắt các đồ dùng điện khi không sử dụng;
 - + Điều chỉnh hoạt động của đồ dùng ở mức vừa đủ dùng;
 - + Sử dụng các thiết bị có tính năng tiết kiệm điện;
 - + Tận dụng gió, ánh sáng tự nhiên và năng lượng mặt trời để giảm bớt việc sử dụng các đồ dùng điện.

- Năng lượng chất đốt

+ Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với diện tích đáy nồi và phù hợp với món ăn

+ Tắt thiết bị ngay khi sử dụng xong

+ Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng.

Câu 4. Em hãy xác định kiểu kiến trúc ngôi nhà em đang ở và nêu đặc điểm của kiểu kiến trúc đó.

Gợi ý câu trả lời

Học sinh xác định kiểu kiến trúc:

- Nhà liền kề: Nhiều nhà ở riêng biệt, được xây sát nhau thành một dãy

- Nhà chung cư: Toà nhà gồm nhiều căn hộ sử dụng chung các công trình phụ (lối đi, cầu thang, nhà để xe, sân chơi,...).

- Nhà biệt thự: Nhà được xây riêng biệt trong khuôn viên rộng lớn, đầy đủ tiện nghi.

GVBM

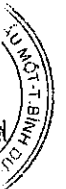


Lê Thị Duyên

**DUYỆT CỦA BGH
P.HT**



Nguyễn Thị Miên



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I - MÔN GDCD 6
Năm học 2023 – 2024

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ

Bài 2: Yêu thương con người

Bài 3: Siêng năng, kiên trì

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý KHAM KHẢO

1. Nêu một số truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? Nêu ý nghĩa?

* Mỗi gia đình, dòng họ Việt Nam đều có những truyền thống tốt đẹp về văn hoá, đạo đức, lao động, nghề nghiệp, học tập,...

* *Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ*

- Truyền thống của gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, động lực, vượt qua khó khăn, thử thách và nỗ lực vươn lên để thành công.

- Thể hiện sự hài lòng, hãnh diện về các giá trị tốt đẹp mà gia đình, dòng họ đã tạo ra.

2. Yêu thương con người là gì? Nêu 2 việc làm yêu thương con người? Nêu ý nghĩa của yêu thương con người?

* *Yêu thương con người*: là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

* *Nêu 2 việc làm yêu thương con người*: HS tự nêu ví dụ như:

- Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt.

- Thăm hỏi khi bạn bị bệnh...

* *Ý nghĩa*: Người biết yêu thương con người sẽ được mọi người yêu quý và kính trọng. Yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.

3. Thế nào là siêng năng, kiên trì? Nêu một vài việc làm siêng năng, kiên trì?

* *Khái niệm*:

- Siêng năng là tính cách làm việc tự giác, cần cù, chịu khó, thường xuyên của con người.

- Kiên trì là tính cách làm việc tự giác, miệt mài, quyết tâm, bền bỉ đến cùng dù gặp khó khăn, trở ngại của con người.

* *Hs tự nêu việc làm siêng năng, kiên trì, ví dụ*:

- Thường xuyên học bài và làm bài ở nhà.

- Tự giác phụ giúp công việc nhà.

- Gặp bài tập khó cố gắng giải xong mới đi chơi.....

II. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

1. Tình huống 1: Đi học về Sang rất căng thẳng vì vừa làm bài kiểm tra trên lớp. Về đến nhà, Sang muốn đi chơi với các bạn nhưng thấy mẹ đang tất bật nấu cơm; bố đi làm về với gương mặt mệt mỏi. Nếu là Sang, em sẽ ứng xử như thế nào? Vì sao?

Trả lời: Nếu là Sang, em sẽ phụ giúp mẹ nấu cơm, thăm hỏi bố khi bố mệt. Vì chúng ta phải biết quan tâm, yêu thương giúp đỡ bố mẹ, đó là việc làm biết yêu thương con người, đặc biệt với người thân trong gia đình.

2. Tình huống 2:

Đã 9h30 phút tối và bên ngoài trời rất lạnh, Mai còn bài tập chưa làm xong. Em phân vân không biết nên đi ngủ hay là tiếp tục làm cho xong các bài tập. Nếu là Mai, em sẽ làm gì? Vì sao?

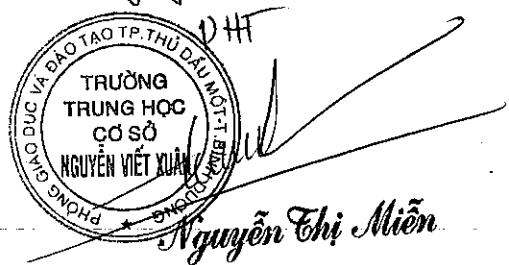
Trả lời:

Nếu là Mai, em sẽ làm bài tập tiếp khi nào xong rồi đi ngủ. Vì khi chưa xong đi ngủ hôm sau lên lớp sẽ không có bài để cô kiểm tra và đó cũng là một hành động lười biếng trong học tập. *M*

---- Hết ----

Duyệt ngày 16/10/2023

DHT



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. THỦ ĐỨC MỘT MẶT TRƯỜNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIỆT KHUÂN
Nguyễn Thị Miên

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI-NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Lịch sử và Địa lý 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Phân môn Lịch sử	{	Chương 1. Tại sao cần học lịch sử? (học bài 1, bài 2)
		Chương 2. Thời kì nguyên thủy (học bài 3, bài 4, bài 5)
Phân môn Địa lý	{	Chương 3. Xã hội cổ đại (học bài 6, bài 7, bài 8)
		Bài 1. Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến và tọa độ địa lí
		Bài 3. Tìm đường đi trên bản đồ

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

1. Lịch sử là gì?

- Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến nay.

2. Thời gian trong lịch sử

Qui ước của công lịch: 1thập kỉ (10 năm), 1 thế kỉ (100 năm), 1 thiên niên kỉ (1000 năm).

3. Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á

- Bằng chứng khoa học chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện từ sớm dựa vào những dấu tích tìm được:

+ Ở Đông Nam Á: tìm thấy hóa thạch đầu tiên trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a)

+ Ở Việt Nam: dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở nhiều nơi như: răng của người tối cổ ở hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), công cụ đá ghè đẽo thô sơ ở Núi Đọ (Thanh Hóa), An Khê (Gia Lai), Xuân Lộc (Đồng Nai).

- **Nhận xét:** dấu tích người tối cổ được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. trong đó chủ yếu phân bố ở rừng núi, có hang động. Đây là địa điểm thích hợp để cư trú của người tối cổ ở Việt Nam.

4. Xã hội nguyên thủy

4.1. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy

- Xã hội nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm từ khi con người xuất hiện trên Trái Đất đến khi xã hội có giai cấp và nhà nước ra đời trải qua hai giai đoạn: Bầy người nguyên thủy và công xã thị tộc.

- Bầy người nguyên thủy gắn với giai đoạn người tối cổ.

- Công xã thị tộc gắn với giai đoạn người tinh khôn.

4.2. Cách thức lao động của người tối cổ

- Người nguyên thủy sống phụ thuộc vào tự nhiên, phụ nữ hái lượm các loại quả, hạt. Đàn ông thì săn bắt thú rừng.

5. Sự xuất hiện của công cụ bằng kim loại

- Kim loại đầu tiên con người tìm thấy qua khai thác đá đỏ là đồng đỏ.

6. Điều kiện tự nhiên của Ai Cập cổ đại

- Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông Nin.

- **Sông Nin có vai trò quan trọng đối với Ai Cập cổ đại:**

+ Mang lại nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

+ Nuôi dưỡng người dân Ai Cập bằng lượng phù sa màu mỡ.

+ Là tuyến đường giao thông quan trọng chủ yếu giữa các vùng.

7. Lăng Hà cổ đại

Công trình kiến trúc nổi tiếng của Lăng Hà cổ đại là vườn treo Ba-bi-lon.

8. Ân Độ cổ đại

Xã hội Ân Độ cổ đại chia làm nhiều đẳng cấp, trong đó đẳng cấp có vị thế cao nhất là Bra-man.

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

1. Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến

- Kinh tuyến là nửa đường tròn nối cực Bắc với cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu, có độ dài bằng nhau.
- Đường kinh tuyến gốc đánh số 0^0 đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô thủ đô Luân Đôn (thuộc nước Anh).
- Vĩ tuyến gốc đánh số 0^0 còn gọi là đường xích đạo có chiều dài lớn nhất chia Trái Đất thành 2 bán cầu: bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

2. Tọa độ địa lí

- Tọa độ địa lí của 1 điểm được xác định là kinh độ và vĩ độ của điểm đó trên bản đồ hay quả địa cầu.
- + Ví dụ: Một điểm C có vĩ độ 30^0 N và kinh độ 60^0 T. Em hãy viết tọa độ của điểm đó?

3. Phương hướng trên bản đồ:

- Phương hướng trên bản đồ được xác định dựa vào hệ thống kinh, vĩ tuyến được quy ước như sau:
 - + Kinh tuyến: Đầu trên chỉ hướng Bắc và đầu dưới chỉ hướng Nam.
 - + Vĩ tuyến: Bên phải chỉ hướng Đông, bên trái chỉ hướng Tây.
- Bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến thì ta xác định phương hướng bằng cách: Dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc hoặc kim chỉ nam để xác định phương hướng.

4. Tỉ lệ bản đồ. Công thức tính khoảng cách thực địa dựa vào tỉ lệ số trên bản đồ

- Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.
- Công thức tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỉ lệ số trên bản đồ:

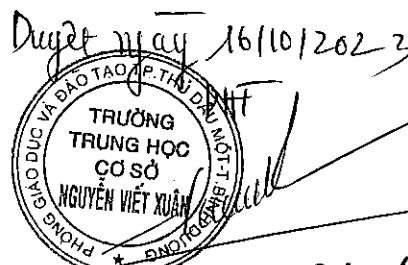
Khoảng cách thực địa = Khoảng cách trên bản đồ X (nhân) Mẫu số của tỉ lệ bản đồ.
(Lưu ý: Đổi đơn vị từ (cm) ra (m) hay kilômet (km) theo yêu cầu đề ra)

Ví dụ: Bản đồ có tỉ lệ 1: 200.000. Vậy 3 cm trên bản đồ tương ứng trên thực địa là bao nhiêu km?

Ta có: $3 \text{ cm} \times 200\ 000 = 600\ 000 \text{ cm} = 6 \text{ km}$ (thực địa)

Vậy 3 cm trên bản đồ tương ứng với 6 km thực địa. *MC*

--- Hết ---



Nguyễn Thị Miên

REVISION OF THE FIRST MID-TERM TEST ENGLISH 6
(School year 2023 – 2024)

* **Vocabulary from Unit 1 to Unit 3**

- * **Grammar:**
1. Present Simple tense
 2. Present Continuous tense
 3. Adverbs of frequency
 4. Possessive case
 5. Prepositions of place

★ PRONUNCIATION

I. Pick out the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

- | | | | |
|----------------|---------------|-------------------|-------------------|
| 1) A. carton | B. Monday | C. <u>subject</u> | D. <u>compass</u> |
| 2) A. flats | B. chopsticks | C. rooms | D. lamps |
| 3) A. sinks | B. kitchens | C. sofas | D. cupboards |
| 4) A. cupboard | B. boarding | C. biscuit | D. climbing |
| 5) A. number | B. calculator | C. rubber | D. subject |

II. Pick out of the word whose main stress syllable is different from that of the others.

- | | | | |
|----------------|----------------|-------------|---------------|
| 1. A. clever | B. between | C. special | D. heavy |
| 2. A. computer | B. interesting | C. uniform | D. confident |
| 3. A. before | B. idea | C. behind | D. listen |
| 4. A. funny | B. visit | C. between | D. active |
| 5. A. magazine | B. remember | C. computer | D. department |

★ GRAMMAR AND VOCABULARY

III. Choose the correct answer

- 1) My mother is in the _____ baking a cake for my birthday.
A. dining room B. kitchen C. bedroom D. bathroom
- 2) There are two bedrooms in _____ flat.
A. Mi B. Mi's C. Mis D. she
- 3) My new school _____ in the centre of the village.
A. not B. isn't C. doesn't D. don't
- 4) Hoa is wearing a school _____ now.
A. uniform B. shoes C. bag D. hats
- 5) In science, we have a lot of _____.
A. books – to have B. homework – to do
C. music – to study D. vocabulary – to play
- 6) Mi and Vy _____ their bicycles to school every day.
A. rides B. ride C. riding D. are riding
- 7) Duy's new school _____ a large _____.
A. has - playground B. have – playgrounds
C. is having - playgrounds D. are having – playground

- 8) It is called the Tiger Room _____ there is a big tiger on the wall.
 A. and B. so C. because D. but
- 9) I live _____ my parents in a town house _____ Binh Duong.
 A. with – at B. at – at C. of – in D. with – in
- 10) There is a family photo _____ the wall.
 A. in B. at C. on D. next
- 11) My bedroom is _____ to the bathroom.
 A. under B. behind C. next D. in front
- 12) Which room do you like the _____ in your house?
 A. good B. best C. more D. favorite
- 13) I put my clothes in a _____.
 A. shelf B. sink C. desk D. wardrobe
- 14) Where _____ you live? – I live _____ Thu Dau Mot City.
 A. do – on B. does – on C. do – in D. does – in
- 15) The clock is _____ the picture _____ the window.
 A. next – to B. in front – of C. between – and D. on – in
- 16) Katty never _____ coffee.
 A. drink B. doesn't drinks C. don't drink D. drinks
- 17) My brother _____ TV in the evening.
 A. usually watch B. watch usually C. usually watches D. watches usually
- 18) This Sunday, we _____ to the Art Museum.
 A. go B. going C. is going D. are going
- 19) My _____ bicycle is in the garden.
 A. father B. mother C. fathers D. father's
- 20) In our dining room, _____ four chairs and a table.
 A. there is B. there are C. there isn't D. there aren't
- 21) Mina is very _____. She likes drawing pictures and has lots of new ideas.
 A. creative B. caring C. careful D. clever
- 22) Nam is _____. He likes helping his friends.
 A. kind B. friendly C. confident D. funny
- 23) Jenny is _____. He likes meeting new people.
 A. active B. hard-working C. careful D. friendly
- 24) Kim is very _____. She pays attention to what she's doing.
 A. confident B. creative C. careful D. shy
- 25) Mai is _____. She learns things quickly and easily.
 A. clever B. funny C. friendly D. active
- 26) Nhung shared her lunch with me today. She's very _____.
 A. shy B. careful C. kind D. active
- 27) Phong is _____. He plays basketball very well.
 A. sporty B. funny C. good D. creative
- 28) What does your cousin John look like? – He _____ very tall, and he _____ big eyes.
 A. isn't – have B. is – have C. is – has D. don't – has
- 29) Sorry, we can't have lunch with you. We _____ to the bookshop.

- A. go B. goes C. going D. are going
- 30) Where is Phong? – He _____ a book in the living room.
A. reads B. reading C. are reading D. is reading
- 31) Whose is this calculator? – It's _____.
A. of Nam B. Nam's C. Nams' D. his
- 32) _____ bored in the English lessons.
A. I am never B. I never am C. Never I am D. Never am I
- 33) She is a good student. She _____ does her homework on time.
A. never B. rarely C. usually D. every
- 34) It's cold today. The students _____ warm clothes.
A. wear B. wears C. are wearing D. is wearing
- 35) Nick is very good at English and history, but he _____ maths much.
A. don't like B. doesn't like C. like D. doesn't likes
- 36) Look! The girls are _____ rope in the playground
A. dancing B. playing C. skipping D. running
- 37) What are you doing this afternoon? – I don't know, but I'd like to _____ to music.
A. play B. listen C. have D. do
- 38) What do you usually do in your free time? – I like _____ pictures.
A. draw B. draws C. drawing D. is drawing
- 39) How about _____ a picture on the wall?
A. put B. puts C. putting D. are putting
- 40) Sunrise is _____ school in Sydney. Students study and live there.
A. a boarding B. a lower secondary C. an international D. a national
- 41) Jane's _____ colours are red, white and gold.
A. love B. lovely C. likes D. favourite
- 42) My sister always has a lot of new ideas. She's a _____ person.
A. creative B. hard – working C. quiet D. healthy
- 43) Her cat _____ with a ball under the table now.
A. play B. is playing C. plays D. are going
- 44) What _____ Anna _____ at the moment?
A. does/ do B. is /do C. are/ doing D. is/ doing
- 45) There are only three students _____ the class.
A. next B. in C. on D. under
- * Find the mistake in each sentence (Tìm lỗi sai trong mỗi câu)**
- 46) Do you go often to the cinema with your friends?
A B C D
- 47) The sofa is between the cupboard with the lamp.
A B C D
- 48) My aunt house is in Ha Noi.
A B C D
- 49) Which room do you like the best on your house? – It's my bedroom.
A B C D
- 50) My school have a large playground with many tall old trees.
A B C D

V. Match the question with the suitable answer

1. Where do you live?	a. Five.
2. Who do you live with?	b. Yes, I do. We often study together.
3. How many rooms are there?	c. In a town.
4. What's in the living room?	d. Yes. There's one next to the window.
5. Are you from around here?	e. Of course, my bedroom.
6. What does your sister look like?	f. A sofa, a television and a lamp.
7. What is your favourite room?	g. My parents and sister.
8. Are there any pictures in the kitchen?	h. She is tall and thin with long black hair.
9. Do you share things with your classmates?	i. Between the living room and the bathroom.
10. Where is your room?	j. Yes, I am. My house is near here.

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.	9.	10.
----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

VI. Choose A-E to complete the following online conversation between Nick and Mi.

An: Why is it so quiet, Mi? Are you home alone?

Mi: No. Everybody is here, (1) _____

An: Where's your mum? (2) _____

Mi: No. She's watering the plants in the garden.

An: And where's your dad?

Mi: (3) _____

An: What's he doing?

Mi: He's listening to the radio.

An: (4) _____ Is he with your mum?

Mi: No. He's sleeping in my bedroom. My cousin, Vi, is here too.

An: What's she doing?

Mi: (5) _____

<i>A. Is she cooking in the kitchen?</i>
<i>B. She's watching TV</i>
<i>C. but they are in different rooms.</i>
<i>D. He's in the living room.</i>
<i>E. What about your younger brother?</i>
<i>F. We are having dinner.</i>

*** READING**

VII. Choose A, B, C or D for each blank in the texts below

My dream school is a quiet school where we have just two or three hours a day, in the morning. Then, in the afternoon, we can do many (1) _____ like singing, dancing, playing soccer, basketball, rugby. We won't have tests and mark either. The teachers will not (2) _____ homework, so we can do whatever we want after school. In my dream school, we can also choose the (3) _____ we want: for example, you're not going to learn mathematics or physics if you hate (4) _____. So it's a free school where you can learn with calm and serenity and you can make (5) _____ of friends during afternoon activities!

- | | | | |
|----------------|---------------|---------------|------------|
| 1) A. subjects | B. actions | C. activities | D. acts |
| 2) A. give | B. take | C. do | D. get |
| 3) A. class | B. classrooms | C. classmates | D. classes |
| 4) A. it | B. them | C. her | D. him |
| 5) A. much | B. few | C. any | D. lots of |

VIII. Read the description of Jim's bedroom then answer the questions

Jim's favorite room in his house is his bedroom. It is a great place for study and sleep. It is a bit small. It has a bookshelf, a desk and two chairs. There is a nice lamp on the desk. There is an

air-conditioner above the wardrobe. There are three pictures on the wall. They are next to a big clock. The room has two windows and a door leading to the balcony. Jim likes his bedroom very much because it is quieter and brighter than other rooms in the house. In the future, he wants a bigger room with a TV in it.

1. What is Jim's favourite room? _____
2. What is on the desk? _____
3. Why does Jim like his bedroom? _____
4. What does Jim want in his room? _____

IX. Read the passage and write T (true) or F (false) for each sentence.

My dream house is a cottage not far from the sea. On the ground-floor, there are four rooms. The first room is my living room, which has a white sofa, a black armchair and a coffee table. There are lots of paintings and trinkets as well. There is also a lamp, French windows with a view of the garden, television set and a phone in the living room. My dream house has a fully-equipped kitchen, including fridge and a door to the garden. There is a bathroom with a shower and toilet. There is also a study room where I keep my desk and computer. On the first floor, there are three bedrooms and a bathroom.

1. There are 4 rooms in author's house.
2. This house has a grey armchair and a coffee table in the living room.
3. There are French windows with a view of the sea.
4. The kitchen in the house is fully equipped.
5. There are three bedrooms and a bathroom on the first floor.

★ WRITING

X. Complete the sentences so it means the same as the sentences above.

1. My class has 45 students.
→ There
2. The notebook is on the book.
→ The book.....
3. I like English best.
→ My favorite
4. How about going to Da Lat next week?
→ Let's
5. There are six rooms in Phong's house.
→ Phong's house

XI. Reorder the words to make correct sentence.

- 1. he / does / What / like? / look → _____
- 2. is / tall / with / black / He / hair. / short → _____
- 3. your sister / look / What / does / like? → _____
- 4. your / What / like? / mother / is → _____
- 5. friendly / caring. / is / She / and → _____
- 6. are / moment? / What / you /at/ doing / the → _____
- 7. music/ now / am / listening / I / to → _____
- 8. watch / sometimes / I / in / TV / the evening → _____

XII. Change the sentence into Negative and Interrogative

1) I often do homework after school

Negative (-) _____

Interrogative (?) _____ ? → _____

2). My brother does homework every day.

Negative (-) _____

Interrogative (?) _____ ? → _____

3) My sister is making a sandwich at present.

Negative (-) _____

Interrogative (?) _____ ? → _____

4) I'm reading book now.

Negative (-) _____

Interrogative (?) _____ ? → _____

XIII. Write paragraphs

1) Write a paragraph of 40-50 words about your school. Include the following information.

<p>- What is the name of your school?</p> <p>- Where is your school?</p> <p>- How many classes does your school have?</p> <p>- What do students do at your school?</p>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
--	-------------------------------

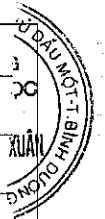
<p>- What do you like about your school?</p>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
--	-------------------------

2) Write a paragraph of 40-50 words about your house. Include the following information.

<p>- Where do you live? - How many room are there in your house? What are they? - Which room do you like best in your house? Why?</p>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
---	---

3) Write a paragraph of 40-50 words about your best friend. Include the following information.

<p>- What is his/ her name? - What does he/ she look like? - What's he/ she like? - Why do you like him/her?</p>	<hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/> <hr/>
---	---



-THE END-

★ Good luck to you! ★

Lê Thị Kim Anh *[Signature]*

Luân Đoàn Phương Trinh *[Signature]*

Vũ Thị Phương *[Signature]*

phan nguyễn đình Thy *[Signature]*

Được viết và BGH ngày 16/10/2023



Nguyễn Thị Miên



TRƯỜNG THCS NGUYỄN VIỆT XUÂN
TỔ : TOÁN

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I NĂM 2023 - 2024
MÔN TOÁN 6

A - LÝ THUYẾT

I. ĐẠI SỐ

1. Tập hợp, Tập hợp các số tự nhiên;
2. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa;
3. Thứ tự thực hiện phép tính. Quan hệ chia hết, tính chất chia hết;
4. Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5 và 9;
5. Số nguyên tố, hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố;
6. Ước chung. Ước chung lớn nhất.

II. HÌNH HỌC

1. Chủ đề: Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều;
2. Chủ đề: Hình chữ nhật - Hình thoi;
3. Hình bình hành.

B - BÀI TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cách viết tập hợp nào sau đây đúng?

- A. $A = [1; 2; 3; 4]$ B. $A = (1; 2; 3; 4)$
C. $A = 1; 2; 3; 4$ D. $A = \{1; 2; 3; 4\}$

Câu 2. Cho $B = \{2; 3; 4; 5\}$. Chọn đáp án sai trong các đáp án sau?

- A. $2 \in B$ B. $5 \in B$ C. $1 \notin B$ D. $6 \in B$

Câu 3. Các cách cho một tập hợp:

- A. Liệt kê các phần tử của tập hợp
B. Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.
C. Đáp án khác
D. Cả A và B.

Câu 4. Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10.

- A. $A = \{6; 7; 8; 9\}$ B. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$
C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$ D. $A = \{6; 7; 8\}$

Câu 5. Viết tập hợp P các chữ cái khác nhau trong cụm từ: "HOC SINH"

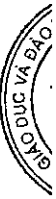
- A. $P = \{H; O; C; S; I; N; H\}$ B. $P = \{H; O; C; S; I; N\}$
C. $P = \{H; C; S; I; N\}$ D. $P = \{H; O; C; H; I; N\}$

Câu 6. Cho $E = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 15 < x < 20\}$. Hãy viết tập hợp E bằng cách liệt kê các phần tử của tập hợp.

- A. $C = \{15; 16; 17; 18; 19; 20\}$ B. $E = \{16; 17; 18; 19; 20\}$
C. $E = \{16; 17; 18; 19\}$ D. $E = \{15; 16; 17; 18; 19\}$

Câu 7. Cho $E = \{4; 6; 8; 10\}$. Chỉ ra tính chất đặc trưng của các phần tử thuộc E?

- A. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là số chẵn, } 3 < x < 11\}$
B. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là số chẵn, } x < 11\}$
C. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là số chẵn, } 3 < x\}$



D. $E = \{ x \in \mathbb{N} \mid x \text{ là số chẵn} \}$

Câu 8. Cho tập $E = \{10; 11; 12; \dots; 98; 99\}$. Chỉ ra tính chất đặc trưng của các phần tử thuộc E?

- A. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid 9 \leq x \leq 100\}$ B. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid 9 < x \leq 100\}$
 C. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid 9 \leq x < 100\}$ D. $E = \{x \in \mathbb{N} \mid 9 < x < 100\}$

Câu 9. Trường hợp nào sau đây chỉ tập hợp số tự nhiên?

- A. $\{1; 2; 3; 4; \dots\}$ B. $\{0, 1, 2, 3, 4, \dots\}$
 C. $\{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10\}$

Câu 10. Các số La Mã XV, XXI được đọc lần lượt là:

- A. mười lăm, hai một B. mười năm, hai một
 C. mười lăm, hai mươi một D. mười bốn, mười chín

Câu 11. Cho biết $x \in \mathbb{N}$ nhưng $x \notin \mathbb{N}^*$. Số x là:

- A. 1 B. Bất kì số tự nhiên nào
 C. 0 D. Không tồn tại số x

Câu 12. Tìm các số tự nhiên a, b, c sao cho $675 < a < b < c \leq 678$

- A. $a = 675; b = 677; c = 678$ B. $a = 675; b = 676; c = 677$
 C. $a = 676; b = 677; c = 678$ D. Cả A, C đều đúng.

Câu 13. Phép tính $x - 4$ thực hiện được trong tập số tự nhiên khi:

- A. $x > 4$ B. $x \geq 4$ C. $x = 3$ D. $x < 4$

Câu 14. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. $a + b + c = (a + b) + c$ B. $a + b + c = (a + c) + b$
 C. $a + b + c = (a + b) + b$ D. $a + b + c = a + (b + c)$

Câu 15. Số dân của một huyện năm 2005 là 15 625 người. Năm 2006 số dân tăng thêm 972 người. Năm 2007 số dân lại tăng thêm 1375 người. Vậy năm 2007 số dân của huyện đó là:

- A. 16 972 người B. 17 862 người C. 16 862 người D. 17 972 người

Câu 16. Hoa được mẹ cho 50 nghìn mua đồ dùng học tập. Hoa cần mua một chiếc bút chì, một chiếc tẩy, một chiếc bút bi và một bộ ê ke. Giá của những vật dụng này lần lượt là: 4 nghìn, 4 nghìn, 5 nghìn và bộ ê ke thì nhiều hơn chiếc bút bi 15 nghìn. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Hoa không thể mua hết các vật dụng này
 B. Hoa mua hết 29 nghìn
 C. Sau khi mua đồ thì Hoa vẫn còn thừa tiền
 D. Hoa mua hết 28 nghìn đồng.

Câu 17. Số thích hợp điền vào dấu ? trong phép tính: $a : 1 = ?$ là:

- A. 1 B. 2 C. a D. 0

Câu 18. Kết quả của phép tính $0 : a$ (với $a \neq 0$) là:

- A. 0 B. 1 C. 2 D. a

Câu 19. Một quyển vở kẻ ngang 200 trang có giá 18 000 đồng. Với 400 000 đồng, bạn có thể mua được nhiều nhất bao nhiêu quyển vở loại này?

- A. 23 quyển vở B. 22 quyển vở
 C. 21 quyển vở D. 20 quyển vở

Câu 20. Viết tích sau dưới dạng lũy thừa: $6 \cdot 6 \cdot 6 \cdot 6 \cdot 6$

- A. 6^5 B. 5^6 C. 6^4 D. 6^6

Câu 21. Chọn câu sai. Cho lũy thừa: 2^5 thì

- A. 2 là cơ số B. 5 là số mũ
C. 2 là số mũ D. $2^5 = 32$

Câu 22. Chọn câu đúng.

- A. $a^m \cdot a^n = a^{m+n}$ B. $a \cdot a \cdot a \cdot a \cdot a = 5a$
C. $a^m \cdot a^n = a^{m \cdot n}$ D. $a^1 = 1$

Câu 23. Tính $2^4 + 16$ ta được kết quả dưới dạng lũy thừa là?

- A. 2^{20} B. 2^4 C. 2^5 D. 2^{10}

Câu 24. Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức không có dấu ngoặc?

- A. Cộng và trừ → Nhân và chia → Lũy thừa
B. Nhân và chia → Lũy thừa → Cộng và trừ
C. Lũy thừa → Nhân và chia → Cộng và trừ
D. Cả ba đáp án A, B, C đều đúng.

Câu 25. Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

- A. $[\] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$ B. $() \rightarrow [\] \rightarrow \{ \}$ C. $\{ \} \rightarrow [\] \rightarrow ()$ D. $[\] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$

Câu 26. Nếu a chia hết cho 3 và b chia hết cho 3 thì tổng a + b.

- A. chia hết cho 3 B. không chia hết cho 3
C. có tận cùng là 3 D. có tận cùng là 0 hoặc 5

Câu 27. Chọn đáp án sai. Khi số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b (với $b \neq 0$), ta nói:

- A. a là bội của b B. b là ước của a
C. b là bội của a D. Tồn tại một số tự nhiên q để $a = b \cdot q$

Câu 28: Các khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Các số có tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó chia hết cho 2.
B. Các chữ số có tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó chia hết cho 5
C. Các số chia hết cho 5 thì chắc chắn chia hết cho 2
D. A và B đều đúng

Câu 29. Hãy chọn câu sai.

- A. Một số chia hết cho 9 thì số đó chia hết cho 3
B. Một số chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 9
C. Một số chia hết cho 10 thì số đó chia hết cho 5
D. Một số chia hết cho 45 thì số đó chia hết cho 9

Câu 30. Dấu hiệu chia hết cho 9 là :

- A. Các số có tận cùng là 9 thì mới chia hết cho 9
B. Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.
C. Các số có tận cùng là 1 thì sẽ chia hết cho 9
D. Cả A, B, C đều sai

Câu 31. Số nguyên tố có mấy ước?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. nhiều hơn 2

Câu 32. Hợp số là:

- A. số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó
 B. số tự nhiên có nhiều hơn 2 ước
 C. số tự nhiên có 4 ước
 D. số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước

Câu 3. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. 0 và 1 không phải là số nguyên tố cũng không phải là hợp số.
 B. Cho số $a > 1$, a có 2 ước thì a là hợp số.
 C. 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.
 D. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1 mà chỉ có hai ước 1 và chính nó.

Câu 34. Phân tích số 18 ra thừa số nguyên tố.

- A. $18 = 18 \cdot 1$ B. $18 = 10 + 8$
 C. $18 = 2 \cdot 3^2$ D. $18 = 6 + 6 + 6$

Câu 35. Phân tích 45 ra thừa số nguyên tố

- A. $45 = 3 \cdot 15$ B. $45 = 5 \cdot 9$ C. $45 = 3^2 \cdot 5$ D. $45 = 45 \cdot 1$

Câu 36. Số x là ước chung của số a và số b nếu:

- A. x vừa là ước của a vừa là ước của b
 B. x là ước của a nhưng không là ước của b
 C. x là ước của b nhưng không là ước của a
 D. x không là ước của cả a và b

Câu 37. Biết x là ước của 24 và $x \geq 10$. Tất cả các giá trị của x thỏa mãn là:

- A. $x \in \{10; 12; 24\}$. B. $x \in \{12; 18; 24\}$.
 C. $x \in \{12; 24\}$. D. $x \in \{12\}$.

Câu 38. Chọn câu sai.

- A. Ước chung lớn nhất của hai số a và b là số lớn nhất trong các ước chung của a và b
 B. Ước chung của hai số là ước của ước chung lớn nhất của chúng
 C. Hai số nguyên tố cùng nhau là hai số có ước chung lớn nhất bằng 1
 D. Ước chung lớn nhất của hai số a và b là số bé nhất trong các ước chung của a và b

Câu 39. Viết tập hợp các ước chung của 9 và 15.

- A. $ƯC(9, 15) = \{1; 3\}$ B. $ƯC(9, 15) = \{0; 3\}$
 C. $ƯC(9, 15) = \{1; 5\}$ D. $ƯC(9, 15) = \{1; 3; 9\}$

Câu 40. Tìm ƯCLN(18, 60)

- A. 6 B. 30 C. 12 D. 18

Câu 41. Cho $a = 3^2 \cdot 5 \cdot 7$ và $b = 2^4 \cdot 3 \cdot 7$. Tìm ƯCLN của a và b .

- A. $ƯCLN(a, b) = 3 \cdot 7$ B. $ƯCLN(a, b) = 3^2 \cdot 7^2$
 C. $ƯCLN(a, b) = 2^4 \cdot 5$ D. $ƯCLN(a, b) = 2^4 \cdot 3^2 \cdot 5 \cdot 7$

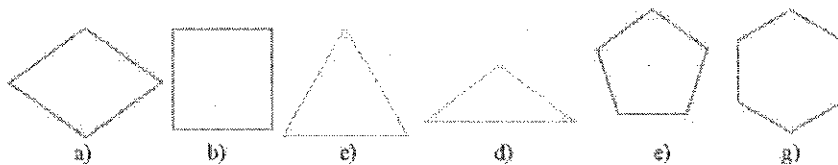
Câu 42. Tìm các ước chung lớn nhất rồi tìm các ước chung của 90 và 126.

- A. $ƯC(90; 126) = \{2; 3; 6; 9; 18\}$
 B. $ƯC(90; 126) = \{3; 6; 9; 18\}$

C. $ƯC(90; 126) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$

D. $ƯC(90; 126) = \{1; 2; 3; 6; 9\}$

Câu 43. Quan sát các hình dưới đây và cho biết hình nào là hình vuông, hình nào là hình tam giác đều, hình nào là hình lục giác đều?



A. Hình vuông là b), tam giác đều là d), lục giác đều là e).

B. Hình vuông là a), tam giác đều là c), lục giác đều là g).

C. Hình vuông là a), tam giác đều là d), lục giác đều là e).

D. Hình vuông là b), tam giác đều là c), lục giác đều là g).

Câu 44. Hình lục giác đều có bao nhiêu đường chéo chính?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 6

Câu 45. Sắp xếp các bước vẽ hình tam giác đều cạnh 2cm:

(1) Vẽ đường tròn tâm A bán kính 2cm và đường tròn tâm B bán kính 2cm.

(2) Vẽ đoạn thẳng AB bằng 2cm.

(3) Nối các điểm A với C, B với C ta được tam giác đều ABC cạnh 2 cm.

(4) Hai đường tròn tâm A và tâm B cắt nhau tại điểm C.

A. 1 – 3 – 2 – 4

B. 1 – 2 – 4 – 3

C. 2 – 3 – 1 – 4

D. 2 – 1 – 4 – 3

Câu 46. Hình vuông có cạnh 5 cm thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

A. 20cm và 25 cm

B. 20 cm và 25 cm²

C. 25 cm² và 20 cm

D. 20 cm và 20 cm²

Câu 47. Tìm chi phí lát gạch sàn một phòng ngủ có dạng hình vuông có cạnh bằng 6m với giá 80 000 đồng cho mỗi mét vuông.

A. 2 880 000 đồng

B. 1 920 000 đồng

C. 960 000 đồng

D. 1 152 000 đồng

Câu 48. Cho hình chữ nhật MNPQ, ta có:

A. $MN = NP$.

B. $MP = MN$.

C. $PQ = NP$.

D. $MP = NQ$.

Câu 49. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 5\text{cm}$, $BC = 2\text{cm}$ thì:

A. $CD = 5\text{cm}$

B. $CD = 2\text{cm}$

C. $CD = 7\text{cm}$

D. $CD = 3\text{cm}$.

Câu 50. Hình chữ nhật có chu vi bằng 28 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó biết chiều dài hơn chiều rộng 6cm.

A. 24 cm²

B. 187 cm²

C. 66 cm²

D. 40 cm²

Câu 51. Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 10cm và 15 cm thì diện tích của nó là:

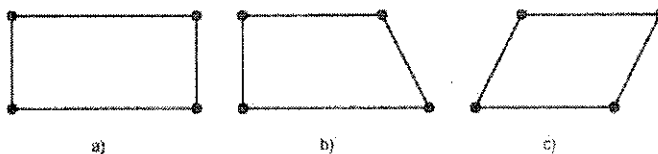
A. 300 cm²

B. 150 cm²

C. 75 cm²

D. 25 cm²

Câu 52. Quan sát hình sau và cho biết hình nào là hình chữ nhật, hình nào là hình thoi?



- A. Hình chữ nhật là hình a), Hình c) là hình thoi
- B. Không có hình chữ nhật, Hình c) là hình thoi
- C. Hình chữ nhật là hình a), không có hình thoi
- D. Hình chữ nhật là hình b), Hình c) là hình thoi

Câu 53. Chu vi hình thoi có cạnh 5dm là:

- A. 20 cm B. 20 dm C. 25 dm D. 20 m

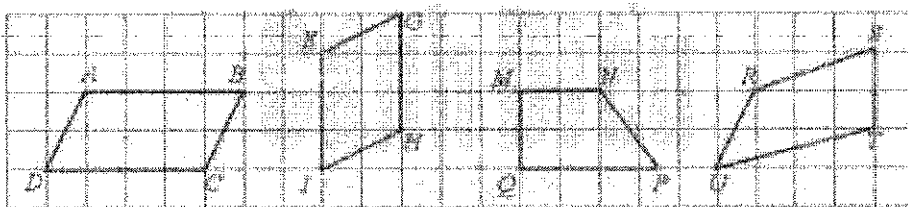
Câu 54. Có một hình bình hành có chiều dài cạnh đáy $CD = 8\text{cm}$ và chiều cao nối từ đỉnh A xuống cạnh CD dài 5cm . Hỏi diện tích của hình bình hành $ABCD$ bằng bao nhiêu?

- A. 20 cm^2 B. 40 m^2 C. 30 m^2 D. 60 m^2

Câu 55. Hình bình hành $ABCD$ có chu vi là 20 cm , biết độ dài cạnh AB là 4 cm . Độ dài cạnh BC là:

- A. 6 cm B. 5 cm C. 24 cm D. 16 cm

Câu 56. Xem Hình 28 và cho biết hình nào trong số các hình đó là hình bình hành



Hình 28

- A. ABCD B. EGHI C. MNPQ D. RSTU

II/ TỰ LUẬN

DANG 1: TẬP HỢP. TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{0; 1; 2; 3\}$. Hãy điền \in, \notin vào ô vuông:

$0 \square A, \quad 4 \square A, \quad 3 \square A, \quad 5 \square A.$

Câu 2. Viết các tập hợp sau bằng hai cách.

- a)Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 4 và nhỏ hơn 7.
- b)Tập hợp B các số tự nhiên lẻ không vượt quá 13.

Câu 3. Viết tập hợp sau bằng cách liệt kê các phần tử.

a) $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 < x < 16\}$ b) $B = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x \leq 20\}$

DANG 2: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

Tính giá trị của các biểu thức sau;

a) $17 \cdot 85 + 15 \cdot 17 - 120$ b) $18.81 - 18.80$

c) $189 + 73 + 211 + 127$

d) $176 - \{ 2. [2.52 - (31 - 2.3)] \} + 3.25$

e) $9\ 234 : [3.3 \cdot (1 + 8^3)]$

g) $2.5^2 + 3 : 71^0 - 54 : 3^3$

h) $400 : \{ 5. [360 - (290 + 2.5^2)] \}$

i) $(3.5 - 9)^3 \cdot (1 + 2 \cdot 3)^2 + 4^2$

DANG 3: TOÁN TÌM x

Tìm x biết:

a) $x + 10 = 25$

b) $x - 50 = 20$

c) $6 \cdot x - 5 = 19$

d) $18 \cdot (x - 16) = 18$

e) $32 : (3x - 2) = 2^3$

f) $12x - 33 = 3^2 \cdot 3^3$

g) $(2x - 6) \cdot 4^7 = 4^9$

h) $12(x - 1) : 3 = 4^3 + 2^3$

i) $2^x + 2^{x+3} = 144$

j) x là bội của 9 và $20 < x < 40$

DANG 4: SỐ NGUYÊN TỐ; ƯC; ƯCLN

Câu 1. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố:

a) 18

b) 30

c) 50

d) 126

e) 135

f) 1800

Câu 2. Tìm ƯC(125,75); ƯCLN(126, 81);

Câu 3. Tìm x biết: $105 : x, 140 : x, 175 : x$ và $4 < x < 10$

DANG 5: TOÁN ĐÓ

Câu 1. Một cơ thể trưởng thành khỏe mạnh cần nhiều nước. Lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành mất đi mỗi ngày khoảng: 450 ml qua da (mồ hôi), 550 ml qua hít thở, 150 ml qua đại tiện, 350 ml qua tra đôi chất, 1500 ml qua tiểu tiện.

a) Lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành mất đi trong một ngày khoảng bao nhiêu?

b) Qua việc ăn uống, mỗi ngày cơ thể hấp thụ được khoảng 1000 ml nước. Một người trưởng thành cần phải uống thêm khoảng bao nhiêu nước để cân bằng lượng nước đã mất trong ngày?

Câu 2. Một bệnh nhân bị sốt cao, mất nước. Bác sĩ chỉ định uống 2 lít dung dịch Oresol để bù nước. biết mỗi gói Oresol pha với 200ml nước. Bệnh nhân đó cần dùng bao nhiêu gói Oresol.

Câu 3. Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh?

Bài 4: Học sinh khối 6 có 195 nam và 117 nữ tham gia lao động. Thầy phụ trách muốn chia ra thành các tổ sao cho số nam và nữ mỗi tổ đều bằng nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất mấy tổ? Mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

DẠNG 6 : HÌNH HỌC

Câu 1. Tính chu vi và diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là 8 dm.

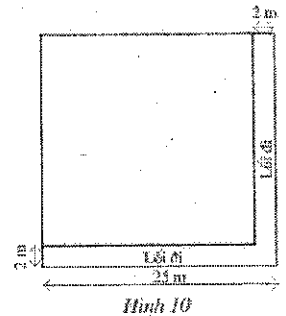
Câu 2. Một tấm vải hình chữ nhật có chiều dài 1m và chiều rộng là 36cm. Chu vi và diện tích của tấm vải hình chữ nhật theo đơn vị xăng ti mét vuông là?

Câu 3. Bác Ba cần lát gạch cho một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài là 20m và chiều rộng bằng một phần tư chiều dài. Bác Ba muốn lát gạch hình vuông cạnh 4 dm lên nền nhà đó nên đã mua gạch bông với giá một viên gạch là 80000 đồng. Hỏi số tiền mà bác Ba phải trả để mua gạch?

Câu 4. Tính diện tích hình thoi, biết độ dài các đường chéo là 4 m và 15 dm.

Câu 5. Bạn Hoa làm một khung ảnh có dạng hình bình hành PQRS với PQ=18 cm và PS=13 cm. Tính độ dài viền khung ảnh bạn Hoa đã làm.

Câu 6. Một mảnh vườn có dạng hình vuông với chiều dài cạnh bằng 25m. Người ta để một phần của mảnh vườn làm lối đi rộng 2m như Hình 10, phần còn lại để trồng rau



a) Tính diện tích phần trồng rau.

b) Người ta làm hàng rào xung quanh mảnh vườn trồng rau và ở một góc vườn rau có để cửa ra vào rộng 3m. Tính độ dài của hàng rào đó.

Bài 8: Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy bé là 50m, đáy lớn gấp đôi đáy bé, chiều cao là 50m. Người ta trồng lúa ở đó, tính ra cứ 100 m² thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi đã thu hoạch được ở thửa ruộng đó bao nhiêu tạ thóc?

CÁC ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 8 được viết là:

A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x < 8\}$

B. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 8\}$

C. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \mid x \leq 8\}$

D. $A = \{x \in \mathbb{N} \mid x > 8\}$

Câu 2: Cho tập hợp $B = \{1; 6; 13; 25\}$. Phần tử nào dưới đây không thuộc tập hợp B?

A. 1 B. 13 C. 25 D. 16

Câu 3: Trong các số tự nhiên dưới đây, số nào là số nguyên tố?

A. 101 B. 142 C. 505 D. 459

Câu 4: Số nào dưới đây chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 3?

A. 120 B. 195 C. 215 D. 300

Câu 5: Diện tích của hình vuông có độ dài cạnh $a = 4 \cdot 5 + 2^2 \cdot (8 - 3)$ (cm) là:

A. 160 cm² B. 400 cm² C. 40 cm² D. 1 600 cm²

Câu 6: Hình bình hành không có tính chất nào dưới đây?

- A. Hai cạnh đối bằng nhau
- B. Hai cạnh đối song song với nhau
- C. Hai góc đối bằng nhau
- D. Bốn cạnh bằng nhau

Câu 7: Cho $24 \square (x + 6)$ và $3 \leq x < 8$, với x là số tự nhiên. Vậy x có giá trị bằng:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 8: Cho hình thoi có độ dài hai đường chéo bằng 8 cm và 10 cm. Diện tích của hình thoi là:

- A. 40 cm^2
- B. 60 cm^2
- C. 80 cm^2
- D. 100 cm^2

II/ PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (2 điểm): Thực hiện phép tính:

- a) $162 + 475 + 173 + 227 + 525 + 438$;
- b) $25 \cdot 6 + 5 \cdot 5 \cdot 29 - 45 \cdot 5$;
- c) $2 \cdot 5^2 - 3 \cdot 71^0 + 54 \cdot 3^3$
- d) $(5^{2022} + 5^{2021}) : 5^{2021}$.

Bài 2 (1 điểm): Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài bằng 40 m và chu vi bằng 140 m. Tính diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật đó.

Bài 3 (2 điểm): Lớp 6A có 42 học sinh, lớp 6B có 54 học sinh và lớp 6C có 48 học sinh. Cô phụ trách đã xếp đều số học sinh của 3 lớp thành một số hàng như nhau. Tính số hàng nhiều nhất có thể xếp được.

ĐỀ 2:

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10

- A. $A = \{6, 7, 8, 9\}$
- B. $A = \{5, 6, 7, 8, 9\}$
- C. $A = \{6, 7, 8, 9, 10\}$
- D. $A = \{6, 7, 8\}$

Câu 2. Viết tập hợp sau $A = \{x \in \mathbb{N} \mid 9 < x < 13\}$ bằng cách liệt kê các phần tử:

- A. $A = \{10, 11, 12\}$
- B. $A = \{9, 10, 11\}$
- C. $A = \{9, 10, 11, 12, 13\}$
- D. $A = \{9, 10, 11, 12\}$

Câu 3: Trong các số sau: 59; 101; 355; 1341; 119; 29 những số nào là số nguyên tố?

- A. 59; 101; 29
- B. 101; 355; 119; 29
- C. 59; 355; 1341; 29
- D. 59; 101; 355

Câu 4: Số tự nhiên m chia cho 45 dư 20 có dạng là:

- A. $45 + 20k$
- B. $45k + 20$
- C. $45 - 20k$
- D. $45k - 20$

Câu 5: Phân tích 126 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả:

- A. $126 = 2^2 \cdot 3^3$
- B. $126 = 2 \cdot 3^2 \cdot 7$
- C. $126 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$
- D. $126 = 3 \cdot 7 \cdot 5$

Câu 6: Tìm khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

- A. Một số chia hết cho 9 thì luôn chia hết cho 3
- B. Nếu hai số chia hết cho 3 thì tổng của hai số đó chia hết cho 9
- C. Mọi số chẵn thì luôn chia hết cho 5
- D. Số chia hết cho 2 là số có chữ số tận cùng bằng 0; 2; 3; 4; 6; 8

Câu 7: Hình bình hành không có tính chất nào sau đây?

- A. Hai cạnh đối song song với nhau
- B. Hai cạnh đối bằng nhau
- C. Bốn cạnh bằng nhau
- D. Hai đường chéo chính bằng nhau

Câu 8: Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt bằng 10cm và 12cm là:

- A. 60cm^2
- B. 60m
- C. 60m^2
- D. 60cm

II/ PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Thực hiện các phép tính sau:

- a) $12 : \{ 400 : [500 - (125 + 25 \cdot 7)] \}$
- b) $5 \cdot 2^2 - 18 : 3$
- c) $18 : 3 + 182 + 3 \cdot (51 : 17)$
- d) $25 \cdot 8 - 12 \cdot 5 + 170 : 17 - 8$

Câu 2: Tìm x biết:

- a) $12 + (5 + x) = 20$
- b) $175 + (30 - x) = 200$
- c) $10 + 2x = 4^5 : 4^3$
- d) $10x + 2^2 \cdot 5 = 10^2$

Câu 3: Lớp 6A có 54 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh và lớp 6C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, ba lớp xếp thành các hàng dọc như nhau để diễu hành mà không có lớp nào có người lẻ hàng.

- a. Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được
- b. Khi đó mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

ĐỀ 3

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tập hợp nào dưới đây có 5 phần tử?

- A. $A = \{x \in \mathbb{N}^* \in \mathbb{N}^* \mid x > 3\}$
- B. $\{x \in \mathbb{N} \in \mathbb{N} \mid x < 6\}$
- C. $\{x \in \mathbb{N} \in \mathbb{N} \mid x \leq 4\}$
- D. $\{x \in \mathbb{N}^* \in \mathbb{N}^* \mid 4 < x \leq 8\}$

Câu 2: Cho tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 14, nhỏ hơn 45 và có chứa chữ số 3. Phần tử nào dưới đây không thuộc tập hợp M?

- A. 13
- B. 23
- C. 33
- D. 43

Câu 3: Số 1 080 chia hết cho bao nhiêu số trong các số sau đây: 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 12, 24, 25?

- A. 10 số B. 9 số C. 8 số D. 7 số

Câu 4: Hằng gấp được 97 ngôi sao và xếp vào các hộp, mỗi hộp 8 ngôi sao. Số ngôi sao còn thừa không xếp vào hộp là:

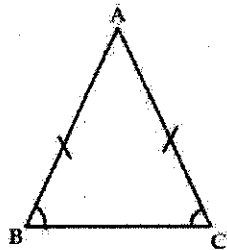
- A. 5 ngôi sao B. 1 ngôi sao C. 6 ngôi sao D. 2 ngôi sao

Câu 5: Phân tích số 154 ra thừa số nguyên tố được:

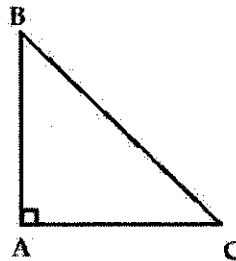
- A. $154 = 2 \cdot 7 \cdot 11$
 B. $154 = 1 \cdot 5 \cdot 4$
 C. $154 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$
 D. $154 = 2 \cdot 7 \cdot 13$

Câu 6: Hình nào dưới đây là hình vẽ chỉ tam giác đều?

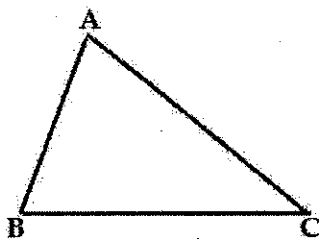
A.



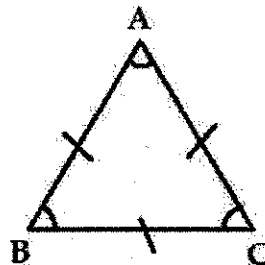
B.



C.



D.

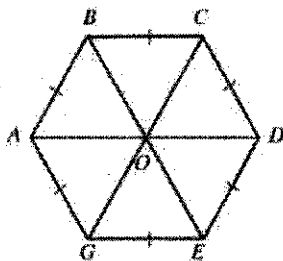


Câu 7: Hai đường chéo hình thoi có độ dài lần lượt bằng 16 cm và 12 cm. Diện tích của hình thoi là:

- A. 90 cm^2 B. 96 cm^2 C. 108 cm^2 D. 120 cm^2

Câu 8: Chọn câu sai trong các câu dưới đây?

Cho hình vẽ



Lục giác đều ABCDEG là hình có:

- A. Các góc ở các đỉnh A, B, C, D, E, G, O bằng nhau.
 B. Sáu cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DE = EG = GA$.

- C. Ba đường chéo chính cắt nhau tại điểm O.
- D. Ba đường chéo chính bằng nhau: $AD = BE = CG$.

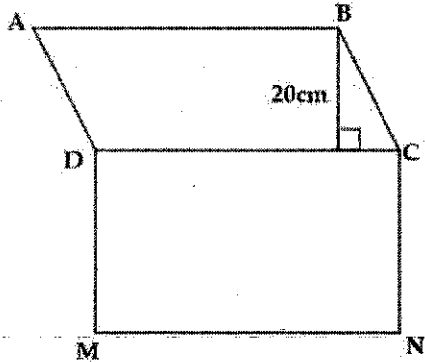
III/ PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1

1) Thực hiện các phép tính:

- a) $30 \cdot 75 + 25 \cdot 30 - 150$;
- b) $160 - (4 \cdot 5^2 - 3 \cdot 2^3)$;
- c) $[36 \cdot 4 - 4 \cdot (82 - 7 \cdot 11)^2] : 4 - 2022^0$.

Bài 2 : Tính diện tích của hình H gồm hình bình hành ABCD và hình chữ nhật DCNM, biết hình chữ nhật DCNM có chu vi bằng 180 cm và chiều dài MN gấp 4 lần chiều rộng



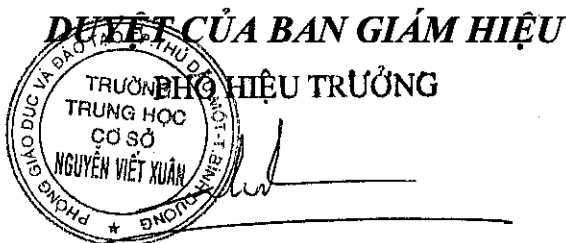
Bài 3 : Một đội y tế gồm 48 bác sĩ và 108 y tá. Hỏi có thể chia đội y tế thành nhiều nhất bao nhiêu tổ để số bác sĩ và y tá được chia đều vào các tổ?

----- HẾT -----

(Chúc các em ôn tập và làm bài kiểm tra đạt được kết quả cao nhất)

TỔ TRƯỞNG

TRƯỞNG CÔNG QUỐC KHOA



Dinh Thị Ngọc Linh

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 6 GIỮA KÌ 1

NĂM HỌC 2023-2024

A. VĂN BẢN

1. Truyền thuyết là gì? Nêu đặc điểm cốt truyện truyền thuyết (SGK/17,18)

Truyền thuyết là thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử.

Cốt truyện truyền thuyết:

- Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
- Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.
- Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại

2. Cổ tích là gì? Nêu đặc điểm cốt truyện cổ tích? Chủ đề truyện cổ tích?(SGK/37,38)

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận một số kiểu nhân vật; thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa đối với cuộc sống, đồng thời nói lên ước mơ về một xã hội công bằng, tốt đẹp.

Cốt truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, kỳ ảo, mở đầu bằng “Ngày xưa ngày xưa ...”, kết thúc có hậu. Truyện kể theo thứ tự thời gian. Thường kể về một số kiểu nhân vật: NV dũng sĩ, thông minh, ...

Phẩm chất của nhân vật được thể hiện qua hành động.

Chủ đề nổi bật của truyện cổ tích là ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện thắng cái ác

3. Tóm tắt ngắn gọn truyện đã học:

- Truyền thuyết: Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, Bánh Chung bánh giầy.
- Cổ tích: Sọ Dừa, Em bé thông minh, Non-bu và Heng-bu

4. Xem lại bài học để nắm rõ đặc điểm thể loại trong từng văn bản đã học.

Cần có kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để đọc hiểu văn bản (Ngữ liệu mới):

- Nhận biết được thể loại của văn bản trích dẫn
- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, chủ đề, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gọi ra.
- Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

B. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Từ đơn và từ phức

* **Từ đơn:** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

* **Từ phức:** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên

* **Phân biệt các loại từ phức:** Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

+ **Từ ghép:** là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo

✕ **Nghĩa của từ ghép** có thể rộng hoặc hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc tạo ra nó. (VD: “ông bà” rộng hơn nghĩa “ông”, “bà”; “Ông nội” hẹp nghĩa hơn “ông”

+ **Từ láy:** là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ láy âm với nhau. VD: Lung linh, xinh xinh, đo đo

✕ **Nghĩa của từ láy** có thể tăng hay giảm về mức độ, tính chất hoặc thay đổi sắc thái nghĩa so với tiếng gốc tạo ra nó. (VD: “đỏ đỏ” giảm nghĩa so với “đỏ”; “nhanh nhẹn” tăng nghĩa so với “nhanh”).

2. Thành ngữ:

✕ **Thành ngữ** là một tập hợp từ cố định, quen dùng.

VD: được voi đòi tiên; há miệng chờ sung

✕ **Nghĩa của thành ngữ** không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó, mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

(nắm vững kiến thức để xác định và nêu được nghĩa thành ngữ thông dụng)

3. Trang ngữ

a. Đặc điểm

- **Ý nghĩa:** Trang ngữ là thành phần phụ của câu giúp xác định thời gian, nguyên nhân, nơi chốn, mục đích... của sự việc nêu trong câu.

- **Hình thức:** Trang ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu. Trang ngữ được ngăn cách với thành phần chính của câu (Chủ ngữ + vị ngữ) bằng một quãng nghỉ khi nói hay một dấu phẩy khi viết.

b. Chức năng

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.

- Liên kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc.

Ví dụ 1 : Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.

→ TN chỉ nguyên nhân

Ví dụ 2: Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít.

→ TN chỉ thời gian

Ví dụ 3: Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và một quả trứng gà, dặn luôn phải giắt trong người phòng khi dùng đến

→ TN Liên kết câu về mặt thời gian, sự việc này nối tiếp sự việc kia

C. TẬP LÀM VĂN

VIẾT BÀI VĂN:

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH HOẶC MỘT TRUYỆN THUYẾT ĐÃ HỌC
MÀ EM THÍCH TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 6 BẰNG LỜI VĂN
CỦA EM**

* Kể lại một truyện cổ tích là loại văn kể chuyện, trong đó người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

* **Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một truyện cổ tích hay truyện thuyết em đã học:**

★ Về hình thức:

- Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.
- Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.
- Người kể sử dụng ngôi kể thứ ba

★ Về nội dung:

- Các sự việc được trình bày theo thứ tự thời gian: Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc. Sự tiếp nối của các sự việc được trình bày mạch lạc và hợp lí.

- Tôn trọng cốt truyện truyền thuyết và cổ tích: Đảm bảo đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kỳ ảo, hoang đường

***Cấu trúc bài văn kể lại một truyện cổ tích hay truyền thuyết như sau:**

a. Mở bài: Giới thiệu

- Tên truyện
- Lí do muốn kể lại truyện

b. Thân bài:

Giới thiệu: Nhân vật và hoàn cảnh xảy ra câu chuyện

Kể diễn biến các sự việc trong chuyện theo trình tự thời gian:

- Sự việc 1:
- Sự việc 2:.....
- Sự việc...
- Sự việc kết thúc

c. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về Truyện vừa kể; liên hệ bản thân – rút ra bài học

DÀN Ý THAM KHẢO

Dàn ý kể lại truyện *Sọ Dừa*

I. Mở bài

- Giới thiệu tên truyện *Sọ Dừa*.
- Nêu lí do muốn kể lại truyện

II. Thân bài

Kể chuyện theo trình tự thời gian:

1. Sự ra đời kì lạ của Sọ Dừa

- Hai vợ chồng nghèo hiền lành, chăm chỉ nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.
- Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng lấy củi cho chủ, khát nước quá không tìm thấy suối.
- Bà nhìn thấy cái sọ dừa bên cạnh gốc cây đựng đầy nước mưa, bà bung lên uống, về nhà thì có mang.

=> Quá trình mang thai kì lạ, không đúng với tự nhiên.

- Chẳng bao lâu sau, bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa nhưng lại biết nói.

=> Hình dáng kì lạ mang ý nghĩa về sự nhỏ bé, khổ cực của những con người thấp bé trong xã hội.

2. Sọ Dừa cưới cô út, trở về với hình dạng ban đầu và thi đỗ trạng nguyên

- Tài năng của Sọ Dừa:
 - + Sau khi lớn lên, Sọ Dừa xin mẹ cho đi chăn bò ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi, con nào con nấy bụng no căng.
 - + Sọ Dừa có tài thổi sáo rất hay.
- => Ngoại hình xấu xí nhưng có tài năng.
- Sự gặp gỡ và lòng yêu mến của cô út dành cho Sọ Dừa:
 - + Phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.
 - + Hai cô chị ác nghiệt kiêu kỳ, chỉ có cô út là đối đãi tử tế với Sọ Dừa.
 - + Cô út đem lòng yêu mến, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

=> Cô út là một cô gái hiền lành, tốt bụng, cảm mến tài năng và vẻ đẹp bên trong của Sọ Dừa.

- Cuộc sống của hai vợ chồng Sọ Dừa:

+ Cuối mùa ở, Sọ Dừa đòi mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ.

+ Phú ông đưa ra lễ vật thách cưới rất nặng: một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm.

+ Đến ngày cưới, Sọ Dừa đã chuẩn bị đủ lễ vật cho mẹ mang sang nhà phú ông.

+ Trong ngày cưới, Sọ Dừa trở về hình dáng con người là một chàng trai khôi ngô tuấn tú khiến tất cả mọi người đều kinh ngạc, còn hai cô chị thì vừa ghen vừa tức.

+ Cuộc sống của hai vợ chồng Sọ Dừa rất hạnh phúc, Sọ Dừa học hành chăm chỉ đỗ trạng nguyên và được vua cử đi sứ.

=> Việc thay đổi hình dạng và đỗ trạng nguyên của Sọ Dừa đã thể hiện mơ ước đổi đời của nhân dân lao động.

3. Dã tâm của hai cô chị, cuộc đoàn tụ của vợ chồng Sọ Dừa

- Trong thời gian Sọ Dừa đi sứ, hai cô chị sinh lòng đố kị, bày mưu hãm hại em gái.

- Hai cô chị rủ em chèo thuyền ra biển chơi, rồi đẩy em xuống nước. Cô út bị một con cá kình nuốt chửng vào bụng.

- Sẵn có con dao mà Sọ Dừa đưa cho cô rạch bụng nó, con cá chết xác dạt vào hòn đảo. Nhờ có những đồ vật mà Sọ Dừa đưa cho, cô út sống sót trên đảo hoang.

- Sọ Dừa gặp lại vợ trên đảo hoang, hai vợ chồng đoàn tụ.

- Hai cô chị vì xấu hổ bỏ đi biệt xứ.

III. Kết bài

- Nêu cảm nghĩ về truyện *Sọ Dừa*: Câu chuyện đã thể hiện niềm tin của nhân dân ta rằng cái thiện luôn chiến thắng cái ác. Đó là lòng mơ ước về một xã hội công bằng, người tốt cuối cùng cũng gặp lành, người xấu cuối cùng cũng phải trả giá.

- Bài học cho bản thân: có lòng yêu thương mọi người, không đánh giá con người bởi vẻ bề ngoài...

Dàn ý kể lại truyện *Thánh Gióng*

I. Mở bài

- Giới thiệu tên truyện *Thánh Gióng*.

- Nêu lí do muốn kể lại truyện

II. Thân bài:

Kể chuyện theo trình tự thời gian:

1. Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng

- Đời Vua Hùng thứ sáu, ở làng Gióng, có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn nổi tiếng là sống phúc đức nhưng vẫn chưa có một mụn con.

- Một hôm, bà lão đi ra đồng trông thấy một bàn chân to, liền ướm thử vào để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà lão mang thai, sau mười hai tháng thì sinh ra một cậu bé.

- Cậu bé lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, đặt đâu thì nằm đấy.

=> Sự ra đời không giống với bất kỳ đứa trẻ bình thường nào, trái với quy luật của tự nhiên. Điều đó như một lời báo hiệu cuộc đời phi thường của cậu bé làng Gióng.

2. Sự lớn lên kì diệu của cậu bé Gióng

- Bấy giờ có giặc Ân xâm lược nước ta, nhà vua bèn sai sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước.

- Cậu bé nghe tiếng của sứ giả thì liền cất tiếng nói đầu tiên: “Mẹ mời sứ giả vào đây”.
- Gióng yêu cầu sứ giả về nói với nhà vua chuẩn bị “một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt và một tấm áo giáp sắt” với lời hứa sẽ phá tan lũ giặc này.
- => Câu nói đầu tiên là câu nói với lòng mong muốn xin đi đánh giặc cứu nước cứu dân. Câu nói mang tấm lòng yêu nước của một cậu bé mới ba tuổi nhưng đã có trách nhiệm với đất nước nhân dân.
- Từ khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi: “Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ”.
- Hai vợ chồng làm bao nhiêu không đủ, phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Cả làng vui lòng góp gạo nuôi cậu bé, ai cũng mong cậu giết giặc cứu nước.
- => Sức mạnh của tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta. Gióng lớn lên trong vòng tay chăm sóc nuôi nấng của nhân dân.

3. Gióng đánh giặc và sự ra đi

a. Gióng đánh giặc:

- Giặc đến gần bờ cõi, chàng Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ, mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt.
- Chàng Gióng chuẩn bị ra trận:
 - + Mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên ngựa.
 - + Thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.
 - + Roi sắt gãy, Gióng nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ và chạy trốn.
- => Hình ảnh một con người oai phong, lẫm liệt, tràn đầy sức mạnh.
- => Đúng với sự ra đời kì lạ đã dự báo trước về cuộc đời của một con người phi thường, chàng Gióng chính là biểu tượng cho sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

b. Sự ra đi của Gióng:

- Thánh Gióng một mình một ngựa, lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời.
- => Con người phi thường nên sự ra đi cũng trở nên phi thường. Thánh Gióng đã trở về với cõi bất tử. Đó chính là lòng tôn kính mà nhân dân ta dành cho một con người có công với đất nước.

4. Sự tưởng nhớ công ơn Thánh Gióng, tương truyền về làng Gióng

- Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương, và lập đền thờ ở quê nhà, nay là làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng.
- Dấu tích còn lại ngày nay: những bụi tre ngà ở huyện Gia Bình vì ngựa phun mới vàng óng như thế, những vết chân ngựa thành những ao hồ liên tiếp, ngựa thét ra lửa thiêu cháy một làng gọi là làng Cháy...
- => Niềm tin bất diệt của nhân dân vào sức mạnh thần kì của dân tộc.

III. Kết bài

- Nêu cảm nghĩ về truyện *Thánh Gióng*: Tinh thần đoàn kết chống giặc cứu nước...
- Bài học cho bản thân: lòng biết ơn những người anh hùng đã xả thân bảo vệ hòa bình đất nước, tinh thần yêu nước quyết tâm xây dựng và bảo vệ non sông đất Việt.

THỜI GIAN LÀM BÀI KT GIỮA KỲ MÔN NGỮ VĂN 6: 90 PHÚT
CẤU TRÚC ĐỀ KT:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Ngữ liệu (Ngoài SGK)

8 câu hỏi TN: 4 điểm

2 câu hỏi vận dụng: (2đ)

II. TẬP LÀM VĂN: (4 điểm):

Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích hay truyền thuyết đã học trong chương trình Ngữ văn 6, mà em thích, bằng lời văn của em. (Tuỳ yêu cầu của đề)

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

SỰ TÍCH ÔNG ĐÙNG, BÀ ĐÙNG

Ngày xưa ngày xưa, ở xứ Mường Bi^[1] xuất hiện một đôi vợ chồng cao lớn khác thường. Họ đứng cao hơn năm lần đỉnh núi cao nhất. Người Mường hay gọi họ là ông Đùng, bà Đùng, nghĩa là ông bà khổng lồ.

Hồi ấy, đất thì cao thấp, lồi lõm. Cây cối hoang dại mọc chằng chịt^[2]. Nước thì chảy từ lòng đất, ngập lênh láng khắp nơi. Thấy vậy, ông Đùng, bà Đùng liền ra tay^[3]. Chỉ một ngày, ông bà đã nhổ cây, san đất, làm thành cánh đồng bằng phẳng, rộng rãi, lầy chỗ cho dân ở và cày cấy.

Ông Đùng bàn với vợ làm một con đường dẫn nước đi, tránh để nước tràn lênh láng. Ông Đùng lom khom dùng tay bới đất đằng trước, bà Đùng hì hụi^[4] vét đất đằng sau. Họ làm việc suốt ngày đêm, cùng trò chuyện vui vẻ. Thế rồi, theo con đường ông bà Đùng đào bới, nước đã chảy thành dòng, vượt qua đồi núi, đổ về xuôi. Đó chính là sông Đà ngày nay.

Xong mọi việc, ông bà Đùng ngẩng đầu nhìn lại mới biết: Do vét đất ban đêm, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng. Nơi chưa được vét, đất đá cản trở dòng chảy và tạo thành thác ghềnh^[5]. Vì thế, sông Đà mới ngoằn ngoèo, có tới “trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh” như bây giờ.

(Tiếng Việt lớp 3, tr.99,100- tập 2, theo Truyện cổ dân tộc Mường)

Từ ngữ:

- ^[1] Mường Bi: địa danh thuộc huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.
- ^[2] Chằng chịt: (cây cối) đan vào nhau dày đặc và không theo hàng lối nhất định.
- ^[3] Ra tay: bắt đầu làm để tỏ rõ khả năng, tài trí của mình.
- ^[4] Hì hụi: dáng vẻ cặm cụi, làm việc gì đó một cách khó nhọc, kiên nhẫn.
- ^[5] Ghềnh: chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá nằm chắn ngang, làm nước dồn lại và chảy xiết.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1(0,5 điểm). Truyện “ Sự tích ông Đùng, bà Đùng” thuộc thể loại nào?

- A. Cổ tích
- B. Truyền thuyết
- C. Ngụ ngôn
- D. Truyện cười

Câu 2(0,5 điểm). Truyện “ Sự tích ông Đùng, bà Đùng” được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Kết hợp nhiều ngôi kể.

Câu 3(0,5 điểm). Trong câu “*Ngày xưa ngày xưa, ở xứ Mường Bi xuất hiện một đôi vợ chồng cao lớn khác thường*” có mấy trạng ngữ?

- A. Một trạng ngữ
- B. Hai trạng ngữ
- C. Ba trạng ngữ
- D. Bốn trạng ngữ

Câu 4(0,5 điểm). Trong câu “*Cây cối hoang dại mọc chằng chịt*” có một từ láy?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5(0,5 điểm). Chi tiết nào trong truyện gọi nhắc dấu tích xưa còn lưu lại đến ngày nay?

- A. Đó chính là sông Mã ngày nay.
- B. Đó chính là sông Đà ngày nay.
- C. Đó chính là sông Hồng ngày nay.
- D. Đó chính là sông Hương ngày nay.

Câu 6(0,5 điểm). Trong câu: “*Hồi ấy, đất thì cao thấp, lời lờm.*”, trạng ngữ “*hồi ấy*” có ý nghĩa gì?

- A. Chỉ thời gian
- B. Chỉ không gian
- C. Chỉ nguyên nhân
- D. Chỉ mục đích

Câu 7(0,5 điểm). Vì sao sông Đà ngoằn ngoèo, có tới “*trăm bảy mươi thác, trăm bảy mươi ghềnh*” như bây giờ.

- A. Do vét đất ban sáng, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng.
- B. Do vét đất ban trưa, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng.
- C. Do vét đất ban chiều, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng.
- D. Do vét đất ban đêm, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng.

Câu 8(0,5 điểm). Chi tiết: “*Ông Đùng lom khom dùng tay bới đất đằng trước, bà Đùng hi hụi vét đất đằng sau. Họ làm việc suốt ngày đêm, cùng trò chuyện vui vẻ.*” thể hiện phẩm chất tốt đẹp nào?

- A. Vui vẻ, thích làm việc ban ngày.
- B. Vui vẻ, thích làm việc ban đêm.
- C. Chăm chỉ, không ngại khó khăn.
- D. Chăm chỉ, nhưng ngại khó khăn.

Câu 9(1,0 điểm). Chỉ ra ít nhất một chi tiết kì ảo có trong văn bản trên liên quan đến nhân vật ông Đùng, bà Đùng. Theo em chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?

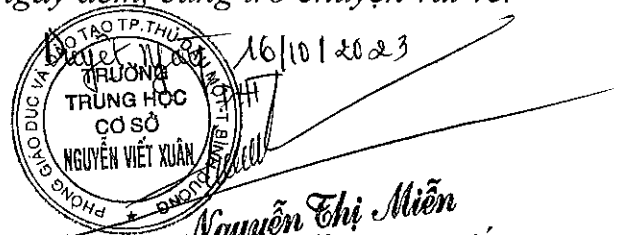
Câu 10(1,0 điểm). Từ văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại một truyền thuyết hoặc một cổ tích đã học trong chương trình Ngữ văn 6, mà em thích, bằng lời văn của em.

--- Hết ---

CHÚC CÁC CON ÔN TẬP TỐT, ĐẠT KẾT QUẢ CAO NHÉ!



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN KHTN 6

Năm học 2023- 2024

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề: Mở đầu

Chủ đề 1: Các phép đo

Chủ đề 2: Các thể của chất

Chủ đề 3: Oxygen và không khí

Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng

II. MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý THAM KHẢO

Câu 1. Trình bày vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.

Gợi ý: Khoa học tự nhiên có vai trò quan trọng trong:

- + Hoạt động nghiên cứu khoa học
- + Nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên
- + Ứng dụng công nghệ vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.
- + Chăm sóc sức khỏe con người.
- + Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Câu 2. Phân biệt các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

Gợi ý:

- Vật lí học nghiên cứu về: vật chất, quy luật vận động, năng lượng và sự biến đổi giữa chúng trong tự nhiên
- Hóa học nghiên cứu về: các chất và sự biến đổi của chúng
- Sinh học nghiên cứu về: các sinh vật và sự sống trên trái đất
- Khoa học trái đất nghiên cứu về trái đất và bầu khí quyển của nó
- Thiên văn học nghiên cứu về: Quy luật vận động và biến đổi của các vật thể trên bầu trời.

Câu 3. Phân biệt các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.

Gợi ý:

- Những đặc trưng về hình dạng và màu sắc của các bảng kí hiệu:
 - + Hình tròn, viền đỏ, nền trắng → Cấm
 - + Hình tam giác đều, viền đen hoặc đỏ, nền vàng → Khu vực nguy hiểm.
 - + Hình vuông, viền đen, nền đỏ cam → Hóa chất gây hại.
 - + Hình chữ nhật, nền xanh hoặc đỏ → Chỉ dẫn.
- Ví dụ: Hình 3.2 SGK/12

Câu 4. Vật nào sau đây là vật sống, không sống: Con ong, Vi khuẩn, Than củi, Con robot, Con gà, Lọ hoa, Trái Đất, Cây cam, Cây nhãn, Hòn đá, Bảng đen, Chiếc bút, Con mèo, Cây cau, Con chuột, Cái thang

Vật sống	Vật không sống



Câu 5. a) Nêu đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian và nhiệt độ của một vật.

b) Nêu các bước đo thời gian của một vật.

Gợi ý:

*** Đo chiều dài**

- Đơn vị đo chiều dài là **mét** (metre), kí hiệu là **m**.
- Dụng cụ đo chiều dài là **thước**. Vd: thước kẻ, thước cuộn, thước dây...

*** Đo khối lượng**

- Đơn vị đo khối lượng là **kilôgam** (kilogram), kí hiệu là **kg**.
- Dụng cụ đo khối lượng là **cân**. Ví dụ: cân đồng hồ, cân điện tử, cân y tế, cân Robecval, ...

*** Đo thời gian**

- Đơn vị đo thời gian là **giây** (kí hiệu là **s**)
- Dụng cụ đo thời gian là **đồng hồ**.

b) Các bước đo thời gian

- ✓ **Bước 1:** Ước lượng khoảng thời gian cần đo.
- ✓ **Bước 2:** Chọn đồng hồ phù hợp.
- ✓ **Bước 3:** Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách trước khi đo.
- ✓ **Bước 4:** Thực hiện đo thời gian bằng đồng hồ.
- ✓ **Bước 5:** Đọc và ghi kết quả đo.

Câu 6.

a) Nhiệt độ là gì? Đơn vị, dụng cụ để đo nhiệt độ?

b) Các loại nhiệt kế thường dùng? Nhiệt kế thường dùng hoạt động dựa trên nguyên tắc nào?

c) Tại sao bảng chia nhiệt độ của nhiệt kế y tế thủy ngân thường ghi nhiệt độ từ 35°C đến 42°C?

d) Cho các loại nhiệt kế và nhiệt độ ghi trên thang đo như sau: Phải dùng loại nhiệt kế nào để đo nhiệt độ của: Nước sôi, cơ thể người và không khí trong phòng.

Loại nhiệt kế	Thang nhiệt độ	Trả lời
Nhiệt kế thủy ngân	Từ -10°C đến 110°C	- Nước sôi: Dùng nhiệt kế thủy ngân. - Cơ thể người: Dùng nhiệt kế y tế - Không khí trong phòng: Dùng nhiệt kế rượu.
Nhiệt kế y tế	Từ 34°C đến 42°C	
Nhiệt kế rượu	Từ -30°C đến 60°C	

Gợi ý:

a) Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.

- Đơn vị đo nhiệt độ ở Việt Nam thường dùng đơn vị độ C (kí hiệu là °C).
- Dụng cụ đo nhiệt độ là **nhiệt kế**.

b) Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau như: nhiệt kế y tế, nhiệt kế hồng ngoại, nhiệt kế rượu...

- Nhiệt kế thường dùng hoạt động dựa trên hiện tượng giãn nở vì nhiệt của các chất lỏng.

c) Vì nhiệt kế y tế thủy ngân chủ yếu đo nhiệt độ cơ thể người mà nhiệt độ người nằm trong khoảng 35°C đến 42°C.

Câu 7. Thế nào là sự nóng chảy, sự đông đặc, sự bay hơi, sự ngưng tụ?

Gợi ý:

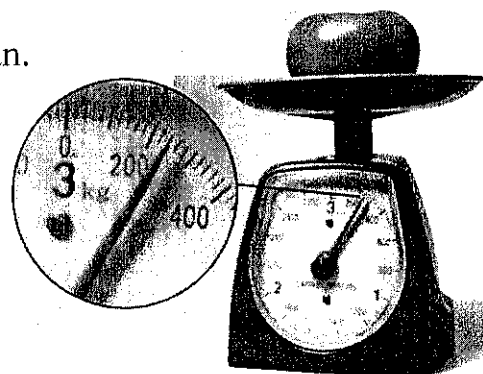
- + **Sự nóng chảy** là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất.
- + **Sự đông đặc** là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất.
- + **Sự bay hơi** là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi của chất.
- + **Sự ngưng tụ** là quá trình chuyển từ thể khí (hơi) sang thể lỏng.

Câu 8. Người bán hàng sử dụng cân đồng hồ như hình dưới đây để cân hoa quả. Hãy cho biết:

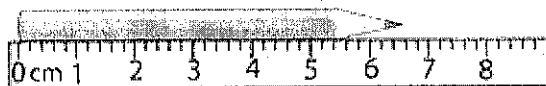
a) Giới hạn đo (GHĐ), độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân.

b) Đọc giá trị khối lượng m của lượng hoa quả được đặt trên đĩa cân.

- GHĐ..... ; ĐCNN.....
- Khối lượng m =



Câu 9. Quan sát hình vẽ và cho biết:



a) Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước? ĐCNN:

b) Đọc giá trị chiều dài của cây viết chì: l =

Câu 10. Trong các nguồn gây ô nhiễm không khí sau đây, em hãy cho biết nguồn gây ô nhiễm không khí nào là do tự nhiên và nguồn nào do con người gây ra?

<i>Nguồn gây ô nhiễm không khí</i>	<i>Do con người</i>	<i>Do tự nhiên</i>
1. Các nhà máy sản xuất		
2. Núi lửa		
3. Cháy rừng		
4. Phương tiện giao thông		
5. Hoạt động nông nghiệp		
6. Phấn hoa		
7. Rác thải		
8. Sinh hoạt		

Câu 11. Nước tồn tại ở thể nào trong điều kiện thường? Hãy liệt kê một số tính chất vật lí của nước

Gợi ý:

*Nước:

- Ở điều kiện bình thường nó tồn tại ở thể lỏng.
- Là chất không màu, không mùi, không vị, có thể hoà tan được nhiều chất khác.



Câu 12. Trong quá trình chữa cháy, nếu đám cháy xăng dầu nhỏ, người ta có thể sử dụng tấm chăn dày, lớn và trùm nhanh lên đám cháy mà không dùng nước để dập tắt đám cháy. Em hãy giải thích tại sao lại làm như vậy?



Gợi ý:

* Nguyên nhân:

- Xăng là chất không tan trong nước, nhẹ hơn nước, nổi lên trên.
- Nên khi dùng nước tạt vào đám cháy xăng dầu thì xăng càng loang ra và cháy mạnh hơn

* Giải pháp : Dùng chăn dày phủ lên ngọn lửa giúp cách li xăng dầu với Oxygen trong không khí, sẽ dập tắt được đám cháy.

Câu 13.

a) Tại sao phải sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả?

b) Trong các gia đình, gas là nhiên liệu thường sử dụng để đun nấu. Em hãy đề xuất biện pháp sử dụng nhiên liệu gas một cách hiệu quả.

Gợi ý:

a) Sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả sẽ giúp giảm thiểu các nguy cơ cháy nổ, tiết kiệm chi phí trong cuộc sống và sản xuất.

b) Đề xuất biện pháp sử dụng nhiên liệu gas một cách hiệu quả:

- Thường xuyên lau chùi vệ sinh mâm đốt
- Tắt bếp và khóa van gas sau khi sử dụng

Câu 14. Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt: Thủy tinh, kim loại, gốm, cao su.

Câu 15. Nguyên liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh: Gỗ, dầu thô, bông, nông sản.

Câu 16. Trong các loại lương thực - thực phẩm dưới đây, em hãy cho biết loại nào là lương thực, loại nào là thực phẩm: Gạo, rau xanh, cá thu, trứng, bánh mì

Gợi ý:

- Lương thực: Gạo, bánh mì

- Thực phẩm: Rau xanh, cá thu, trứng

XEM CÁC BÀI TẬP TRONG SGK

1,2 trang 10; 2,3 trang 26; 1,2, trang 30; 1,2, trang 59; 1 trang 63

.....**CHÚC CÁC EM LÀM BÀI TỐT**.....



Dinh Thị Ngọc Linh

TTCM

Bùi Thị Quyên